

con anh chị ra ga Hàng Cỏ đón tàu Bắc rồi đi bộ về nhà ở cuối đường Trần Hưng Đạo.

\* \* \*

Đồng chí Trần Tử Bình là một cán bộ quân đội, một vị tướng được phong hàm trong đợt đầu tiên. Thiết nghĩ phải có một cuốn sách viết về Trần Tử Bình với danh nghĩa là người đi trước trong lực lượng vũ trang.

Thật tiếc vì đồng chí Trần Tử Bình mất quá sớm nên việc khai thác lấy thêm tư liệu cho thật đầy đủ không thực hiện được. Nhất là những năm tháng đồng chí làm ngoại giao lại đúng vào thời kì đất nước đang có chiến tranh, chúng ta rất cần sự ủng hộ to lớn về vật chất của phe xã hội chủ nghĩa nhưng hai đảng lớn lại đang có những mâu thuẫn dẫn đến bất đồng. Vậy phải làm sao vẫn tranh thủ được sự ủng hộ quý báu cho cuộc kháng chiến chống Mỹ nhưng lại không làm sút mẻ quan hệ? Những giải pháp ngoại giao nếu được đúc kết thành kinh nghiệm thì thật là quý !

Nhưng dù sao những gì anh làm được cũng đã quá tuyệt vời !

*Hà Nội, tháng 5-2004.*

## “PHÚ RIỀNG ĐỎ” - HẠT GIỐNG ĐỎ CỦA PHONG TRÀO CÔNG SẢN MIỀN ĐÔNG NAM BỘ

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước

Tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở Quảng Châu (Trung Quốc) vào tháng 6 năm 1925 là một đoàn thể cách mạng có xu hướng Mac-xít, làm nhiệm vụ tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, chuẩn bị những tiền đề chính trị - tư tưởng - tổ chức cho sự ra đời của chính đảng vô sản ở Việt Nam. Cũng từ đây, Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội thực hiện một cuộc vận động lớn - cuộc vận động “vô sản hóa”. Tất cả các đảng viên thanh niên đi về nông thôn, nhà máy, hầm mỏ, đồn điền... lao động, thâm nhập vào quần chúng để tuyên truyền giác ngộ cho họ về con đường giải phóng, con đường cách mạng. Từ môi trường của người lao động mà các đảng viên thanh niên được “vô sản hóa” về lập trường tư tưởng của chính mình. Các đồn điền cao su miền Đông Nam Bộ được Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội chọn làm địa bàn

chủ yếu để thực hiện “vô sản hóa”.

Phú Riềng cùng với Dầu Tiếng là một trong hai đồn điền lớn của Công ty cao su Michelin, ra đời năm 1917. Ở đây có đội ngũ công nhân đông đảo từ những lớp phu được tuyển mộ từ miền Trung và miền Bắc vào. Từ cuối năm 1927 đến đầu năm 1928 đã có nhiều cuộc đấu tranh, tuy không mang lại kết quả bao nhiêu nhưng làm chấn động dư luận. Điển hình là sự kiện 120 công nhân nổi dậy chém chết tên Chánh giám thị Mông-tây vào tháng 10 năm 1927. Tiếp theo là cuộc kiện ra toà tên Va-lăng-tanh - một giám thị người Pháp - kiểm chuyện đánh chết anh Nguyễn Văn Chánh - một cai làng có tinh thần giúp đỡ, che chở cho công nhân.

Những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền miền Đông Nam Bộ nói chung và Phú Riềng nói riêng trong những năm 20 của thế kỷ XX tuy thất bại nhưng đã giúp họ ngày càng nâng cao nhận thức về kẻ thù, về ý thức giai cấp và dân tộc, đặt cơ sở cho sự ra đời của tổ chức cách mạng trên mảnh đất này.

Thực hiện chủ trương “vô sản hóa” của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội mà trực tiếp là đồng chí Ngô Gia Tự, đồn điền Phú Riềng được chọn là một trong ba trọng điểm xây dựng cơ sở Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội ở Nam Kỳ (cùng với Xưởng đóng tàu Ba Sơn ở Sài Gòn và Vĩnh Kim ở Mỹ Tho). Đồng chí Nguyễn Xuân Cừ, quê ở Bắc Ninh, là học sinh Trường Bưởi, có bằng tú tài, sớm giác ngộ cách mạng, được cử

đến “vô sản hóa” ở đồn điền cao su Phú Riềng đầu năm 1928. Người đầu tiên anh tìm bắt liên lạc là Trần Tử Bình - công nhân làm việc tại trạm xá, người nổi tiếng trong các cuộc đấu tranh của công nhân cao su Phú Riềng trước đây. Trần Tử Bình là một nhân tố tiến bộ, dũng cảm, hạt nhân quy tụ khối đoàn kết trong công nhân, trong các cuộc đấu tranh ngay từ những ngày đầu rời quê hương Bình Lục, Hà Nam vào Phú Riềng làm phu.

Sau một thời gian tuyên truyền, phát triển đến tháng 4 năm 1928, chi hội Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội của đồn điền Phú Riềng được thành lập do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ là Bí thư. Chi hội làm nòng cốt cho nhiều cuộc đấu tranh của công nhân và là tổ chức cách mạng có xu hướng cộng sản lãnh đạo phong trào công nhân cao su đồn điền Phú Riềng. Đến ngày 28 tháng 10 năm 1929, từ những thành viên nòng cốt này, dưới sự chỉ đạo của đồng chí Ngô Gia Tự - cán bộ xây dựng cơ sở của Đông Dương Cộng sản Đảng ở Nam Kỳ, một chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời. Chi bộ Phú Riềng là chi bộ Cộng sản đầu tiên của Bình Phước và của Ngành Cao su Việt Nam.

Lúc đầu chi bộ có sáu đảng viên: Nguyễn Xuân Cừ (Bí thư), Trần Tử Bình, Phan Thu Hồng, Hòa, Tạ và Doanh. Nhưng quần chúng tích cực thì khá đông, nhất là thành viên của Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội. Vì vậy, sau khi chi bộ ra đời, Đội xích vệ cũng được thành lập trong thanh niên công nhân, do Trần Tử

Bình phụ trách. Một số tổ chức quần chúng khác như hội hương tế, hội cứu tế, hội thể thao, hội văn nghệ... thu hút nhiều công nhân và nhân dân quanh đồn điền. Trên cơ sở ấy, đến cuối năm 1929, tổ chức Công hội đỏ Phú Riềng được thành lập. Đây là một trong hai tổ chức công hội đỏ duy nhất ở Nam Kỳ dưới sự lãnh đạo của Đông Dương Cộng sản Đảng<sup>1</sup>. Lần đầu tiên trong phong trào công nhân cao su, vừa thành lập xong chi bộ Cộng sản đã xây dựng ngay tổ chức công hội. Trên cơ sở Công hội đỏ, chi bộ mở rộng công tác phát triển Đảng. Nhân kỷ niệm lần thứ 12 Cách mạng tháng Mười Nga, chi bộ đã kết nạp đảng viên mới Nguyễn Mạnh Hồng. Từ đây, chi bộ đẩy mạnh công tác đào tạo các “hạt giống đỏ” cho các đồn điền trong khu vực. Cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ bị Pháp trục xuất vì “nghĩ vấn làm chính trị”. Đồng chí phải thôi việc về Sài Gòn hoạt động bất hợp pháp. Nhiệm vụ Bí thư chi bộ được giao lại cho đồng chí Trần Tử Bình.

Sau những bước phát triển đột biến về tổ chức, những cuộc đấu tranh của công nhân đồn điền Phú Riềng đã nở rộ ra nhiều hơn và hiệu quả hơn. Quy mô lớn nhất là cuộc tổng bãi công do chi bộ Phú Riềng lãnh đạo.

---

<sup>1</sup> Ngày 28-7-1929, tổ chức Công hội đỏ Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập. Đến cuối năm 1929 ở Nam Kỳ đã có 2 tổ chức công hội của công nhân: Công hội đỏ Sài Gòn - Chợ Lớn và Công hội đỏ Phú Riềng, làm cầu nối giữa Đảng và phong trào công nhân do Đảng lãnh đạo.

Ngày 3 tháng 2 năm 1930, 5.000 công nhân thực hiện tổng bãi công với các khẩu hiệu: cấm đánh đập, chống cúp phạt, đòi miễn sưu thuế, trả lương cho công nhân bị tai nạn lao động, trả về quê cũ những phu hết hạn giao kèo, trả tự do cho những người bị bắt... Ngay khi tổng bãi công nổ ra, chủ đồn điền cương quyết không chấp nhận yêu sách; không những thế chúng còn cho binh lính ở đồn binh Phú Riềng đến đàn áp. Tuy một công nhân bị đánh chết, một số bị bắt nhưng anh em ý thức được rằng, muốn đòi quyền lợi cho mình thì phải có hành động bạo lực, với sức mạnh của công nhân 10 làng tham gia đấu tranh, với khẩu hiệu mới “Chủ sở không chấp nhận, quyết không đi làm!”. Thấy thái độ và hành động cương quyết của công nhân, bọn chủ đồn điền và một số lính Pháp đã hốt hoảng bỏ chạy. Bọn cai trốn tháo để tránh đòn thù của công nhân. Một số thì co lại chờ cứu viện chứ không dám hành động. Trước sức mạnh của cuộc đấu tranh, chủ sở Su-ma-nhắc phải chấp nhận giải quyết các yêu sách bằng việc lập biên bản được kí kết giữa chủ và thợ. Thừa thắng, ban chỉ đạo đấu tranh cử công nhân chiếm giữ kho tàng, lục soát giấy tờ và đốt hết các bản giao kèo, hợp đồng cưỡng bức lao động ngay tại sân chủ sở. Một bộ phận khác di chuyển kho lương thực, cất giấu vào rừng. Khí thế cách mạng lên cao, lôi kéo hết thầy công nhân các làng và cả dân chúng tham gia. Toàn bộ đồn điền Phú Riềng chuyển thành “khu đỏ” của công nhân dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng.

Trước tình hình này, Xứ uỷ Nam Kỳ đã kịp thời chỉ đạo chi bộ Phú Riềng chuyển cuộc đấu tranh từ chỗ đã vượt ra ngoài khuôn khổ đấu tranh chính trị trở lại công khai hợp pháp. Chi bộ kịp thời chỉ đạo chuyển hướng đấu tranh, tránh manh động nhưng vẫn duy trì được phong trào, bảo toàn lực lượng cách mạng.

Ngày 6 tháng 2 năm 1930, cả Thống đốc Nam Kỳ, Chánh mật thám Đông Dương và Phó tỉnh trưởng Biên Hoà cùng 300 lính lê-dương, 500 lính khố đỏ, xe bọc thép đến uy hiếp tinh thần công nhân và sẵn sàng nã súng thanh toán “khu đỏ”. Nhưng chúng đã không thực hiện được ý đồ, vì chi bộ Phú Riềng đã lãnh đạo công nhân chủ động đấu tranh ôn hòa, không có gì để chúng hành động. Dưới sức ép của công nhân buộc chủ đồn điền và Thống đốc Nam Kỳ phải chấp nhận một số yêu sách.

Cuộc tổng bãi công của công nhân cao su Phú Riềng đấu tranh anh dũng trong 8 ngày, mở đầu từ ngày 30 tháng giêng và kết thúc ngày 6 tháng 2 năm 1930, đã giành được thắng lợi to lớn, ảnh hưởng rộng rãi và để lại những bài học sâu sắc, làm rung chuyển cả hệ thống địa ngục cao su Đông Dương, làm chấn động báo chí trong nước và nước Pháp. Bài học quý nhất của cuộc đấu tranh là biết nổ ra đúng lúc, giành thắng lợi và bảo toàn lực lượng cách mạng.

Sự xuất hiện “Phú Riềng Đỏ” chứng tỏ một khi đấu tranh của công nhân có sự lãnh đạo của tổ chức Đảng

Cộng sản thì phong trào sẽ phát huy được bản chất sáng tạo của lực lượng quần chúng, làm xuất hiện những nhân tố mới, khả năng mới để phát triển cách mạng. Qua đó dự báo nhiều khả năng phát triển của phong trào công nhân, đồng thời chứng minh năng lực lãnh đạo, uy tín lãnh đạo của chi bộ Phú Riêng nói riêng, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam nói chung. Điều đó đã chứng tỏ đây là khả năng thực tế chứ không còn trên lý thuyết, vì thế nó cho phép giai cấp công nhân yên tâm đặt lòng tin tuyệt đối vào Đảng của mình trong cuộc cách mạng mưu cầu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.



## CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC - LAO ĐỘNG NGÀNH CAO SU VỚI TRUYỀN THỐNG PHÚ RIỀNG ĐỎ

Ban Chấp hành Công đoàn Cao su Việt Nam

### Cây cao su và thân phận người phu đồn điền

Năm 1897, cây cao su đã “đứng chân” tại Việt Nam và được xem là cây công nghiệp chiến lược của thực dân Pháp trong quá trình khai thác, bóc lột tài nguyên và nguồn nhân lực tại các nước thuộc địa. Sau năm 1906, diện tích vườn cây cao su tại Việt Nam liên tục được phát triển mở rộng, chủ yếu ở khu vực miền Đông Nam Bộ. Cùng với quá trình đó, đội ngũ công nhân dần dần được hình thành, họ là những nông dân nghèo khổ từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung vì không chịu nổi cảnh đói rách, đành rời bỏ quê hương vào làm phu đồn điền cao su để tìm đất sống. Trước khi bước chân vào đây, họ đâu có ngờ sẽ bước vào “chốn địa ngục trần gian”. Tại đây, họ bị bọn chủ tư bản cấu kết với chính quyền thực dân, phong kiến bóc lột đến tận xương tủy, bị đánh đập, cúp phạt hết sức tàn nhẫn và tàn ác, họ phải “bán thân đổi lấy

*đồng xu/Thịt xương vùi gốc cao su mấy tầng*”, họ phải sống một cuộc đời trăm cay nghìn đắng, khổ cực và tủ nhục trăm bề.

“*Ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh*”, chân lí ấy đã thể hiện rất rõ ở đội ngũ công nhân Cao su Việt Nam ngay từ khi mới ra đời. Không chịu nổi sự bóc lột và hành hạ tàn nhẫn của bọn tư bản thực dân đã đẩy họ vào cảnh thân tàn ma dại, người công nhân cao su, sau một thời gian ngắn bước chân vào đồn điền, đã có sự phản kháng khá mạnh mẽ. Tuy nhiên ở giai đoạn đầu (1910-1920) do chưa có sự giác ngộ đầy đủ về giai cấp, về đấu tranh giai cấp và giải phóng dân tộc, nên sự phản kháng của họ thường mang tính đơn lẻ, tự phát (như bỏ trốn, chặt phá cây cao su, tự tử, chém chết những tên xu, cai độc ác...). Các hình thức này phần lớn chỉ mang lại sự thiệt hại cho bản thân mà không hề làm chùn tay bọn áp bức, bóc lột.

### **Đảng và sự kiện “Phú Riêng Đỏ” 1930**

Đêm 28 tháng 10 năm 1929, bên bờ con suối nhỏ trong khu rừng sau lưng làng Ba của đồn điền cao su Phú Riêng, được sự chỉ đạo của đồng chí Ngô Gia Tự, đại diện của Ban chấp hành Đông Dương Cộng sản Đảng<sup>1</sup>, đồng chí Nguyễn Xuân Cừ đã thành lập chi bộ Đông Dương Cộng sản Đảng ở đồn điền cao su. Chi bộ gồm sáu đảng viên: Nguyễn Xuân

---

<sup>1</sup> Thành lập ngày 17-6-1929.

Cừ, Trần Tử Bình, Hồng, Hà, Tạ và Doanh, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ làm bí thư. Sự kiện đó đã đánh dấu một mốc son lịch sử của Ngành Cao su Việt Nam. Kể từ đây, phong trào đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su đã có sự biến đổi nhảy vọt về chất. Từ những cuộc đấu tranh lẻ tẻ, tự phát đòi quyền sống sơ đẳng nhất cho những người phu cao su, nay phong trào đấu tranh của công nhân cao su đã có sự tổ chức chặt chẽ, có mục tiêu và phương pháp đấu tranh cách mạng đa dạng, phong phú như: đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực về ăn, ở, đòi giảm giờ làm, tăng lương, chống cúp phạt, chống đánh đập công nhân, điều động bọ xu, cai ác đi nơi khác, cho thành lập nghiệp đoàn, hội ái hữu... Những cuộc đấu tranh đó không kém phần ác liệt và chấp nhận gian khổ, hy sinh.

Đến cuối năm 1929, do đồng chí Nguyễn Xuân Cừ bị lộ phải chuyển vùng hoạt động, đồng chí Trần Tử Bình thay thế. Chỉ ba tháng sau ngày thành lập, chi bộ Đảng Cộng sản tại Phú Riềng dưới sự lãnh đạo của đồng chí Trần Tử Bình đã tổ chức và lãnh đạo gần 5.000 công nhân đồn điền cao su tiến hành bãi công, mít-tinh phản đối chính sách bóc lột dã man, tàn ác của bọn chủ Tây. Cuộc bãi công của công nhân đồn điền Phú Riềng đã nhanh chóng biến thành một cuộc tuần hành, biểu dương lực lượng kéo dài từ sáng mừng một Tết năm Canh Ngọ, tức là ngày 30 tháng giêng năm 1930, cho đến ngày 6 tháng 2 năm 1930. Với phương pháp đấu tranh khéo léo vừa bí mật, vừa công khai trực diện, công nhân đồn điền

Phú Riềng đã buộc tên chủ Tây Su-ma-nhắc phải kí vào biên bản, chấp nhận các yêu cầu đấu tranh của công nhân cao su. Ngay sau cuộc đấu tranh thắng lợi, tiếng vang “Phú Riềng Đỏ” lập tức lan tỏa đến các đồn điền cao su lân cận như Dầu Tiếng, Quản Lợi, Lộc Ninh... Đồng thời còn có sức ảnh hưởng và động viên to lớn đối với phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân lao động cả nước. Cũng kể từ đây, đội ngũ công nhân Ngành Cao su Việt Nam đã hòa vào dòng thác cách mạng của cả dân tộc. Phát huy tinh thần “Phú Riềng Đỏ”, những năm sau đó, phong trào đấu tranh cách mạng của đội ngũ công nhân cao su liên tục nổ ra và trở thành nỗi ám ảnh của bọn chủ đồn điền tư bản Pháp, là nỗi khiếp sợ của chủ nghĩa thực dân và bọn đế quốc xâm lược.

### **Công nhân cao su trong lịch sử đấu tranh và xây dựng Tổ quốc**

Ngày 2 tháng 9 năm 1950, toàn thể công nhân các đồn điền cao su đã hết sức vinh dự và tự hào được Chủ tịch Hồ Chí Minh kí tặng Huân chương Độc lập hạng Ba. Đây là phần thưởng cao quý và là niềm cổ vũ, động viên to lớn, tạo thêm động lực mạnh mẽ thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân các đồn điền cao su trong những năm tiếp theo.

Tiếng súng tiến công mùa Xuân năm 1975, mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ giành lại độc lập,



*Về thăm di tích lịch sử - văn hóa  
Phú Riềng Đỏ, ngày 27-7-2006.*

tự do cho dân tộc. Bắt đầu từ đây, cuộc đời người công nhân cao su đã chấm dứt những chuỗi ngày tủ nhục của kiếp “công-tra”, trở thành công nhân của một nước độc lập, tự do, trở thành những người chủ thực sự của đồn điền, nhà máy. Với vị trí mới và niềm phấn khởi dạt dào của người chiến thắng, công nhân Ngành Cao su đã ra sức khôi phục vườn cây, xây lại nhà máy, mở rộng diện tích cao su, hàng loạt công trình phúc lợi, cơ sở hạ tầng (đường sá, trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa...) được đầu tư phát triển.

Nếu như sau chiến tranh, diện tích vườn cây cao su chỉ vắn vắn có 42.076 ha; còn bức tranh toàn cục của Ngành Cao su lúc bấy giờ là những vườn cao su kiệt mủ, già cỗi, những nhà máy đổ nát với công nghệ lạc hậu, đời sống người công nhân thiếu thốn trăm bề, bệnh dịch liên miên... Những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua. Nhưng được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và các bộ, ngành hữu quan, đặc biệt với niềm tin tưởng sâu sắc vào sự lãnh đạo của Đảng, với truyền thống vẻ vang của Ngành Cao su, đội ngũ công nhân viên chức – lao động lại tiếp bước làm nên một kì tích to lớn – từng bước khôi phục, ổn định và phát triển sản xuất, đẩy lùi bệnh tật, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Chỉ trong vòng chưa đầy 10 năm (1975-1984) diện tích vườn cây cao su đã đạt mức kỷ lục - 130.000 ha (gấp hơn 2 lần diện tích mà bọn tư bản Pháp - Mỹ trồng trong gần 70 năm xâm lược). Không chỉ phủ kín khu vực miền Đông Nam Bộ mà cây cao su còn vươn lên khu vực Tây Nguyên, làm khơi dậy tiềm năng của vùng đất đỏ Bazan bạt ngàn và giàu đẹp, tạo công ăn việc làm cho người lao động tại chỗ, định canh định cư cho hàng ngàn công nhân đồng bào dân tộc thiểu số, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, cải tạo môi sinh, môi trường và góp phần đắc lực vào việc giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn, an ninh quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia trên một dãy biên cương trải dài từ Lộc Ninh, Tây Ninh đến Kon Tum, Quảng Trị, Thanh Hoá. Cách đây 20 năm, ít ai nghĩ rằng ở những vùng trồng cây

cao su xa xôi hẻo lánh của huyện Chư Prông, Mang Yang, Eah' Leo có ánh sáng điện! Ngày nay hầu hết các cơ sở xa xôi hẻo lánh nhất của Ngành Cao su đã có trạm xá, trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động không ngừng được cải thiện.

Không dừng lại ở đó, trước xu thế đổi mới, hội nhập, Ngành Cao su tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân, không chỉ tập trung mở rộng và phát triển sản xuất kinh doanh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn góp phần cùng địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, làm thay đổi phần lớn diện mạo kinh tế-xã hội trên địa bàn rộng lớn có cây cao su đứng chân.

Trong một tương lai không xa, được sự hỗ trợ của Chính phủ và các địa phương, Ngành Cao su dự kiến sẽ định hình *500.000 ha vườn cây cao su đứng với sản lượng trên 700.000 tấn vào năm 2010*; đồng thời từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ “nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ” sang “công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ”, từ đó hình thành nên một “Tập đoàn kinh tế cao su”, thực hiện tốt vai trò vừa phát triển kinh tế gắn liền với phát triển văn hoá, xã hội, vừa góp phần trong việc bảo vệ, giữ gìn an ninh chính trị, an toàn trật tự xã hội trên địa bàn, xứng đáng với truyền thống “Phú Riềng Đỏ” và những hy sinh, gian khổ của các thế hệ cha, anh đi trước đã viết nên những trang sử chói lọi của Ngành cao su Việt Nam.

\* \* \*

## Thay cho lời kết !

Đã trên 100 năm kể từ khi cây cao su di nhập vào Việt Nam và 77 năm đội ngũ công nhân viên chức lao động Ngành Cao su được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng Cộng sản Việt Nam, chỉ với 6 đảng viên ban đầu và Bí thư chỉ bộ là đồng chí Trần Tử Bình đã làm nên một thắng lợi to lớn, vang dội với sự kiện “Phú Riềng Đỏ”. Đó không chỉ là nỗi khiếp sợ của bọn chủ đồn điền, là nỗi ám ảnh của bọn thực dân Pháp, mà còn là niềm cổ vũ, tự hào vô song của đội ngũ công nhân cao su vì từ đây phong trào đấu tranh của công nhân cao su đã có sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng. Từ chiếc nôi “Phú Riềng Đỏ” đã ươm mầm, giáo dục và rèn luyện nên biết bao tấm gương đấu tranh bất khuất, hy sinh kiên cường của thế hệ công nhân cao su, làm rạng rỡ những trang sử truyền thống vẻ vang của Ngành Cao su Việt Nam.

Trong quá trình xây dựng và phát triển ngày nay, đội ngũ công nhân viên chức lao động Ngành Cao su luôn ghi nhớ và không ngừng phấn đấu khắc phục khó khăn để đưa Ngành Cao su phát triển ngang tầm thời đại, xứng đáng với truyền thống “Phú Riềng Đỏ”, xứng đáng với sự hy sinh của bao thế hệ cha anh đã dày công vun đắp, xây dựng.

Truyền thống của đội ngũ công nhân viên chức – lao động Ngành Cao su Việt Nam sẽ mãi mãi được hun đúc, mãi mãi bền vững nhờ có tinh thần Phú Riềng Đỏ và lập trường kiên định một lòng đi theo con đường Bác Hồ đã chọn, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh !



## GẶP GIÁO SƯ TRẦN VĂN GIÀU NGƯỜI BẠN TỪ CÔN ĐẢO CỦA CHA TÔI

Kháng Chiến - Kiến Quốc

Còn vài ngày nữa là tới ngày lễ trọng đại của tháng Tám lịch sử, chúng tôi đến thăm Giáo sư Trần Văn Giàu<sup>1</sup>. Ông sống gần Trường đua Phú Thọ. Giáo sư rất vui khi biết có con của bạn tù lại chơi. Ông mời chúng tôi ngồi xuống ghế rồi hỏi: “Các cháu uống gì ? Bia nhé !”. Biết ông có thói quen tiếp khách quý bằng bia nên chị giúp việc mang ngay ra lon bia rồi tự tay ông giật nắp, rót ra cốc. Câu chuyện được bắt đầu...

- Năm nay tôi đã 95 tuổi. Tôi sinh năm 1911 cùng tuổi với anh Võ Nguyên Giáp nhưng sau hai chục ngày. Đạo này yếu rồi, đi lại khó khăn và hay quên...

- Thế bác có nhớ ngày này hơn sáu mươi năm về trước, tháng Tám năm 1945 ?

---

*1 Nguyên Bí thư Xứ ủy Nam Kỳ tháng 4-1945, nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ tháng 9-1945.*



*Tác giả cùng Giáo sư Trần Văn Giàu  
tại nhà riêng của ông sáng 17-8-2006.*

- Nhớ chứ. Sau Hà Nội và Huế thì Sài Gòn - Chợ Lớn giành chính quyền vào ngày 25 tháng 8. Đến ngày 2 tháng 9 khi ngoài Hà Nội tổ chức lễ Tuyên ngôn độc lập thì trong này phải đến cả triệu dân Sài Gòn, Chợ Lớn và dân Lục tỉnh hồ hởi kéo về tập trung tại quảng trường Nô-rô-đôm trước Nhà thờ Lớn, công viên trước Dinh Độc Lập và quảng trường trước tòa nhà Ủy ban bây giờ. Đây là cuộc mit-tinh lớn chưa từng thấy trong lịch sử. Nhân dân đón chờ tiếp âm của Đài Tiếng nói Việt Nam về bài diễn văn của Hồ Chủ tịch đọc tại Quảng trường Ba Đình.

- Cháu nghe nói hôm đó có trục trặc nên không tiếp âm được ?

- Đúng là có trục trặc. Nhưng đã có một người phát biểu thay Cụ Hồ. Sau đó nhân dân vỗ tay như sấm rền hưởng ứng. Sau này nghe lại mới thấy bài phát biểu có nội dung trùng với diễn văn của Cụ Hồ tới *chín phần mười*. Hầu như không trật.

- Thật là giỏi ! Và người phát biểu là...

Giáo sư cười sảng khoái rồi nói: “Chính là tôi ! Điều này tôi đã kể lại cho Báo *Sài Gòn Giải phóng*. Câu chuyện của Giáo sư lôi cuốn và làm chúng tôi khâm phục trí nhớ tuyệt vời của ông. Sinh thời cha chúng tôi kể lại: thời gian bị giam ở Côn Đảo là thời gian học được nhiều nhất, học cơ bản nhất và học để phục vụ đấu tranh. Trước đó chỉ một vài lần được gặp gỡ nhà cách mạng Tống Văn Trân, rồi được Ngô Gia Tự giác ngộ nên sự hiểu biết về lý luận cách mạng còn rất thiếu. Khi kể về Côn Đảo, cha chúng tôi hay nhắc đến cái tên *Trần Văn Giàu* và coi ông là người thầy dạy lý luận cách mạng đầu tiên của mình.

... Năm 1928, Trần Văn Giàu được gia đình cho sang Pháp học sử tại Đại học Toulouse. Tại đây vì hoạt động trong phong trào của Đảng Cộng sản Pháp nên ông bị trục xuất về nước. Sau đó Xứ ủy Nam Kỳ đã giới thiệu ông sang Matxcova học Đại học Phương Đông. Tại đây ông học cùng Trần Đình Long và gặp cả Lê Hồng Phong sau khi tốt nghiệp Trường Không quân đã tới thỉnh giảng.

Khi trở về nước hoạt động, ông bị bắt, bị đưa ra tòa và

kết án 5 năm tù. Trong 5 năm tù, có một năm ông bị đày ra Côn Đảo. Khi đó ở Côn Đảo đã có ba ban giam tù chính trị, tù thường phạm. Mỗi ban có hai dãy nhà, mỗi dãy có tám khám (mỗi khám có hai phòng) giam 40 tù nhân; nhưng thực tế chúng nhốt đến trên 100 tù. Tù chính trị không chỉ có đảng viên Cộng sản mà còn có cả đảng viên Quốc dân Đảng, trong số đó lại bị phân ra: tù chính trị khổ sai (tù phải lao công) và tù chính trị (tù không phải lao công). Theo phán quyết của tòa, ông là tù chính trị và bị giam vào Ban I. Tại đây ông đã gặp các tù chính trị khổ sai: Tôn Đức Thắng, Trần Tử Bình, Hà Huy Giáp, Phạm Hùng, Lê Văn Lương, Nguyễn Duy Trinh, Phạm Văn Đồng, Bùi Công Trừng v.v...

Ở Côn Đảo, anh em tù chính trị Cộng sản có mở các lớp học tập lí luận cách mạng, chuẩn bị cho những ngày trở về đất liền tiếp tục hoạt động. Biết Trần Văn Giàu từng học tại Đại học Phương Đông nên tổ chức đã phân công ông dạy Chủ nghĩa Mác, Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử... Theo luật của chính phủ bảo hộ thì tù chính trị không phải đi lao động nên ông có thời gian chuẩn bị bài vở.

Còn anh em tù khổ sai thì phải xuống biển lấy san hô lên nung vôi, hay lên núi lấy củi về đốt, lấy đá về xây dựng... Nói chung công việc rất nặng nhọc. Ai chống đối là bị đánh dã man. Tuy vậy khi biết có tổ chức lớp học, anh em rất hăng hái. Những ngày mưa to gió lớn, những ngày không phải đi làm khổ sai là những ngày lên lớp.

Theo lịch giảng dạy, anh em ở các khám lảng lạng máy nhau đến lớp. Lớp học tổ chức ngay trong phòng của một khám. Học viên ngồi bệt xuống sàn nhà. Thầy giáo thì lấy nền xi-măng làm bảng đen, lấy gạch làm phấn. (Riêng chuyện kiểm phấn viết bảng cũng là chuyện thú vị, anh em cứ moi dần cho hết lớp vữa trên tường để lộ viên gạch ra rồi cạy từng mẫu gạch cất đi, dùng dần). Khi thầy giáo giảng thì học viên chăm chú nghe và cố gắng nhập tâm. Sau đó mỗi lần đi rừng hay xuống biển lại tranh thủ trao đổi, truy bài nên kiến thức không bị mai một. Có những khái niệm khó hiểu, nhất là phần học về Duy vật biện chứng, học viên thắc mắc và được thầy giải đáp đến nơi đến chốn.

Những lúc bọn giám ngục o ép, việc học tập phải rút vào bí mật, vậy mà vẫn lên lớp đúng kế hoạch. Trong số anh em đã qua trường lớp hoặc từng sinh hoạt trong tổ chức Hướng đạo đều có kiến thức về tín hiệu móc-xơ<sup>1</sup>. Vậy là người biết dạy người chưa biết và một thời gian sau, hầu hết anh em tù chính trị đều sử dụng thành thạo kỹ thuật này. Từ phòng giam, thầy giáo có thể dùng tín hiệu “tạch tạch tè” để giảng bài cho học viên ở các phòng khác. Thầy giáo thì cầm bù-loong đập khẽ xuống sàn nhà, còn học viên ở phòng bên cạnh thì ghé sát tai xuống sàn nhận tín hiệu rồi dịch ra thành bài giảng. Cứ như vậy kiến thức được chuyển từ phòng này sang phòng khác và bài giảng vẫn được tiến hành đúng lịch.

---

<sup>1</sup> Morse - mã móc.

Không chỉ được giảng dạy lý luận mà anh em tù chính trị còn được học cả lịch sử, văn học, nghệ thuật và tiếng Anh, tiếng Pháp. Các anh Bùi Công Trùng, Trần Huy Liệu, Phạm Văn Đồng dạy cho anh em lịch sử nước Pháp, nước Tàu. Truyện Thủy Hử, Truyện Kiều... cũng được truyền tay nhau đọc trong các khám. Chưa kể anh em còn dựng các vở kịch, vở tuồng biểu diễn trong mỗi dịp lễ tết. Bọn giám ngục và vợ con đã đến xem, tỏ ý khâm phục cánh tù chính trị.

Ngồi chơi đã lâu sợ Giáo sư mệt, chúng tôi xin phép ra về. Vậy mà ông vẫn như muốn níu kéo khách ở lại: “Lần sau lại đến chơi, nói chuyện với bác !... Cha cháu và bác chỉ sống với nhau hơn một năm ở Banh I, đến năm 1936 do phong trào Bình Dân ở Pháp mà cha cháu được thả về, còn bác thì đã mãn hạn tù. Nhưng bác thấy cha cháu là con người nghĩa khí, chịu khó học tập. Côn Đảo thực sự là một trường đại học lớn cho các nhà hoạt động cách mạng của nước ta”.

Bắt tay ông hồi lâu. Khi nghe chúng tôi chúc ông sức khỏe thì Giáo sư móm mém cười và nói: “Có chuyện vui thế này, bác và bác Giáp - hai ông già 95 - đã kí giao kèo với nhau, thi đua xem ai khỏe hơn...”.

*Tp. Hồ Chí Minh, 17-8-2006.*

## TRẦN TỬ BÌNH MỘT TẤM GƯƠNG SÁNG

Vũ Thơ<sup>1</sup>

Trong vụ khủng bố trắng năm 1939, đồng chí Đinh Tất Miễn, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình, bị bắt và hy sinh trong nhà tù. Đảng bộ Ninh Bình bị mất liên lạc với Xứ ủy Bắc Kỳ, nhưng một số đảng viên vẫn duy trì phong trào và tìm cách nối lại liên lạc với Xứ ủy. Sau lần đồng chí Phan Long về Nhà máy Dệt Nam Định không bắt được liên lạc, đồng chí Phan Lang lại mạo hiểm đến trại giam Vụ Bản (Hòa Bình), nơi mật thám Pháp đang an trí đồng chí Đông Sơn, để tìm đường chấp nối. Phan Lang lấy cớ đến xin thầy lang đơn thuốc vì bấy lâu nay, gia đình đã quen dùng thuốc của ông.

Sau khi chấp lại được liên lạc, Xứ ủy cử ngay đồng chí Trần Tử Bình về phụ trách phong trào. Lúc đó, đồng chí

---

<sup>1</sup> Nguyên Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, nguyên Bí thư các tỉnh Ninh Bình, Hoà Bình, Hưng Yên, Hà Bắc.

lấy bí danh là Số. Có một lần, khi cùng nằm ổ rơm ở nhà cụ Chánh Thành (ở thôn Sải), tôi hỏi vì sao anh lấy tên là Số mà không chọn tên khác ? (Vì trong số cán bộ ở Ninh Bình thì Phan Lang lấy tên là Phi Vân, Phan Văn Thiện là Phan Long, Phan Văn Vạc là Lý, còn tôi là Kỳ Châu. Các tên này nghe kêu và hay hay !). Anh đã cười và nói: “Bọn Pháp đang khủng bố gay gắt, phong trào liên tục bị vỡ, anh em mình không biết có tránh được không nên mình không chọn tên đẹp. Với lại các cụ xưa đã dạy sống chết là do số, “Số hồ thiên mệnh”<sup>1</sup> mà. Nên chẳng sợ gì, cứ tích cực lặn lội với phong trào.” Mấy anh em nghe anh nói đều cười vui. Anh tỏ ra là một cán bộ cách mạng đầy kinh nghiệm, chúng tôi tin là anh hoạt động có phương pháp, tôn trọng nguyên tắc hoạt động bí mật nên mật thám Pháp khó mà bắt được anh. (Thực ra, anh không tin vào số phận mà tự tin vào chính tài năng của mình nên nói vậy cho vui).

Gặp anh, tiếp xúc với anh, anh đã gieo vào chúng tôi một tình cảm thương yêu và kính trọng. Có một lần, tôi đến gia đình cụ Chánh Thành, tìm gặp anh Vân. Tôi đến rất sớm, vừa vào cổng đã gặp ngay một người đang quét sân bằng cái chổi lá cọ, mỗi nhát chổi đưa đi đều nghe tiếng soàn soạt. Tôi hỏi thăm xem anh Vân có nhà hay không thì anh ngẩng đầu lên. Tôi nhận ra anh.

---

<sup>1</sup> Số do trời định.





*Có dịp là ông bà lại về thăm các gia đình  
cơ sở cách mạng thời kỳ bí mật.*

Quét xong chỗ rác, anh dựng chổi vào góc nhà, rồi anh em tay bắt mặt mừng. Anh kéo tôi cùng ngồi xuống hè rồi hỏi có việc gì mà đến sớm? Tôi nói vì đã hẹn với anh Vân, đến trả lại cuốn sách “Phép biện chứng”, tôi vừa chép xong. Thế rồi, anh hỏi ngay tình hình phong trào trong đồn điền<sup>1</sup>. Dạo này trời trở lạnh, anh em công

---

<sup>1</sup> Đồn điền Mía-đường ở Ninh Bình.

nhân (lúc đó gọi là phu) đi sớm về tối có bị rét không, anh em có kêu ca gì không? Tôi báo cáo với anh đời sống của anh em công nhân rất cơ cực. Sáng phải dậy sớm vì sống cách đồn điền gần 3 cây số, phải làm việc quần quật tới khi trời tối mịt, không rõ mặt người mới được nghỉ, lại mò mẫm trong đêm tối trở về nhà. Buổi trưa, phải ngồi giữa hai luống mía tranh thủ ăn trưa, ăn xong dốc thường uống nước (thường là một ống cây bương đựng nước). Uống xong là vào làm việc ngay vì dịp này đang mùa chặt mía, kéo mạt. Tôi trình bày với anh ý định tổ chức cuộc đấu tranh, đòi chủ cho công nhân bã mía để làm đuốc soi đường về nhà. Anh nghe rất chăm chú, rồi khêu gọi trình bày và rất ủng hộ chủ trương đấu tranh. Anh hỏi tiếp về những cốt cán của phong trào, ý định, khẩu hiệu và phương pháp lãnh đạo đấu tranh. Tôi liền báo cáo một mạch về tình hình chủ đồn điền, quản lý và các cai cùng số đoàn viên trong đồn điền - nòng cốt của đấu tranh. Tôi trình bày bức xúc của công nhân và phương pháp lãnh đạo đấu tranh là dựa vào các đầu phu lập ra ban đấu tranh để vận động, tuyên truyền trong công nhân. Anh em nòng cốt cùng đi, cùng về với công nhân, tranh thủ những lúc rét mướt, tối trời, thậm chí khi có người bị ngã vì trơn trượt mà gợi ý cho anh em. Hàng ngày, anh em nòng cốt phản ánh với tôi tình hình dư luận trong công nhân. Cũng có tâm lý sợ chủ cúp lương, đuổi việc mà không dám đấu tranh, tôi đã gặp gỡ, trao đổi giải đáp thắc mắc. Cho đến khi đa số công nhân tự

giải quyết được những băn khoăn và quyết tâm đấu tranh, chờ đúng lúc thời tiết mưa phùn, gió bắc sẽ cho nổ ra cuộc đấu tranh. Mặt khác, vì là thư kí, tôi sẽ làm nội ứng, thuyết phục chủ và tay quản lí để giải quyết yêu cầu của công nhân, với lí do: lúc này, việc thu hoạch mía đường cũng đã vào thời vụ, mà việc làm ruộng nhà của công nhân cũng rất cần. Nếu đuổi công nhân thì ắt họ sẽ về làm ruộng nhà, mà đuổi công nhân thì không còn ai thu hoạch mía trong thời vụ cao điểm. Đây chính là điều kiện để ép chủ phải nhượng bộ, để giữ được thợ thì chủ phải chấp nhận yêu cầu của họ, cho họ bã mía làm đuốc đi đêm. Nghe xong, anh gọi ngay anh Vân ra cùng bàn. Cả ba nhất trí với phương án đã trình bày và đồng ý cho nổ ra cuộc đấu tranh.

Sau khi kiểm tra lại một lần nữa quyết tâm đấu tranh trong công nhân, đúng vào dịp thời tiết xấu, mưa bụi, gió may kéo dài; chiều hôm đó, đợi cho trời tối mịt, tất cả phu đồn điền tập trung, kéo lên sân chủ. Một đại diện xin phép gặp chủ đặt vấn đề: “Đạo này, trời mưa dầm, rét buốt, đường chúng tôi đi về lại là đường rừng, đường đồi, trơn trượt, đi làm về muộn, trời tối om, không biết lối nào mà đi. Từ hôm trời đổ mưa, nhiều người bị ngã, bấn hết quần áo, thậm chí rách cả quần. Thật khổ sở! Vậy xin chủ cho chúng tôi mỗi người một nắm bã mía, làm đuốc soi đường.” Yêu cầu này thật có tình, có lí nhưng thoát nghe, quản lí đã không đồng ý. Ông ta cho rằng “được đăng chân sẽ lân đăng đầu”, vì xin được lần này, lần sau công

nhân lại lấn tới. Như những lần trước đòi tăng lương, mỗi lần chỉ tăng thêm có hai, ba xu mà lương đang từ tám xu đã tăng lên hai mươi tám xu một ngày. Mặt khác, bã mía cũng là nhiên liệu để nấu đường, nếu cho bã mía thì khi thiếu chất đốt lại phải mua củi bổ sung.

Tối hôm sau, anh em công nhân lại kéo lên sân chủ. Anh em tuyên bố, nếu chủ không giải quyết, thì nhân trời mưa rét, tối tăm thế này, xin chủ cho nghỉ vài ngày, chờ trời tạnh hăng hay. Tối hôm đó, bà chủ vội họp với các cai để bàn. Họ nhất trí không cho công nhân bã mía. Vậy là phát lệnh bãi công trong anh em. (Thực ra ngày đó chưa dùng từ “bãi công” mà chỉ dùng từ “nghỉ việc”). Sáng hôm sau, cũng vẫn mưa bụi, gió may, anh em công nhân các làng đều không đi làm, nhưng ai cũng tranh thủ ra làm ruộng nhà. Thấy căng, chủ đồn điền kêu quản lí và các cai lại bàn bạc. Là thư kí nên tôi cũng dự họp. Trước đó, tôi đã gặp riêng quản lí trao đổi: “Xin ông nghĩ kĩ, quả thật, anh em đi làm trong điều kiện thời tiết này là khốn khổ lắm. Đừng để vì một nhúm bã mía, chẳng đáng giá là bao mà để lỡ vụ mía. Mía càng trở cờ, lượng đường trong mía càng giảm. Nếu đem so sánh thì rõ ràng là ta thiệt hơn. Việc này không lớn, tôi nghĩ ông nên dùng quyền của mình mà quyết. Vả lại bã mía là của chủ chứ có của ông đâu mà ông giữ? Ông mà giải quyết được yêu cầu của công nhân, thì họ sẽ biết ơn ông đấy!” Tay quản lí ngần ngừ suy nghĩ thêm. Hai ngày sau, (tức là ngày đình công thứ ba), quản lí mới trình ý kiến đó cho

chủ đồn điền và được chấp nhận. Quản lý yêu cầu các cai cho gọi phu đi làm. Thế là yêu cầu của cuộc đấu tranh đã đạt được, ban bãi công ra lệnh cho anh em đi làm.

Khi tôi báo cáo lại tình hình, cả ba anh em đều vui mừng với thắng lợi và trao đổi rút kinh nghiệm cho cuộc đấu tranh sau. Rõ ràng là, muốn nổ ra đấu tranh phải nắm vững dư luận và biết rõ nhu cầu bức thiết của công nhân. Ban bãi công phải cùng đi, cùng về với công nhân, lợi dụng mọi cơ hội để giải thích, động viên anh em quyết tâm đấu tranh; lãnh đạo phải theo sát, động viên kịp thời. Mặt khác, cũng phải xem xét yêu cầu mình đặt ra trong tình thế có thuận lợi không, có khả năng buộc chủ giải quyết được hay không, nếu nghỉ việc thì thu xếp công ăn việc làm như thế nào cho công nhân; những yêu cầu của mình có cao quá hay thấp quá, có đúng lúc không; đặc biệt phải chọn thời cơ nổ ra thích hợp. Kì này, ngoài việc được chủ cho bã mía làm đuốc đi đường thì anh chị em còn sử dụng tiết kiệm, giải quyết được chất đốt cho gia đình. Ai cũng phấn khởi !

(Sau này, vì hay trò chuyện tâm tình mà tôi được biết, những năm 1927-1930, anh từng lẫn lộn trong phong trào công nhân cao su Nam Bộ và là Bí thư chi bộ lãnh đạo cuộc đấu tranh của 5.000 phu cao su thắng lợi, làm nên một “Phú Riềng Đỏ” được ghi vào sử sách của phong trào công nhân Việt Nam. Chính vì vậy mà anh rất say sưa nghe tôi báo cáo về tình hình đồn điền, tổ chức đấu tranh và đưa ra những kinh nghiệm đấu tranh rất sát).

Cũng dịp Tết Quý Mùi (1943), anh Bình họp anh em lại phân tích tình hình. Anh nêu lên, đã có tự vệ thì phải có cán bộ quân sự để huấn luyện cho anh em. Văn phải ôn, võ phải luyện, không luyện tập thì không thể thành đội tự vệ được. Chúng tôi bàn bạc và nhất trí mở lớp huấn luyện vào đúng dịp Tết, nhân lúc bà con nghỉ việc đồng áng. Chúng tôi sử dụng trại khai hoang ở thôn Lũ Phong để luyện tập, dùng nhà ông Cố Đoang, ông Quỳ Tậu làm nơi ăn nghỉ. Anh em tập trung ngay hôm 30 Tết và tổ chức thành ba tiểu đội. Lớp huấn luyện gồm cán bộ cả bốn tỉnh thuộc liên tỉnh, nay tôi nhớ không hết tên anh chị em, nhưng ở Ninh Bình có các anh Phan Lang, Phan Long, Anh Lý (Vũ Nhất), Lương Văn Lập, Lương Văn Vộc, Vũ Văn Luận, Nguyễn Văn Nghị, các chị Nguyễn Thị Sửu, Nguyễn Thị Hạnh. Ở Hà Nam có hai đồng chí về học, trong đó có chị Tân (tức chị ĐỀ, sau này là người vợ yêu quý của anh Trần Tử Bình. Anh chị sinh được hai cháu gái và sáu cháu trai). Ở Nam Định có hai đồng chí, còn Thái Bình có đồng chí Hà Thị Quế và Lương Văn Đài (Hiến Cử)... Lớp tập trung sinh hoạt theo lối quân sự, ra vào phải báo cáo, ai có việc rời khỏi trại phải được trực nhật cho phép. Các tiểu đội đều dưới sự chỉ huy và hướng dẫn luyện tập của anh Bình. Ban ngày ra bãi tập những động tác cơ bản như lặn lội, bò toài, đi đều, hành quân, tập cắm trại, học các chiến thuật đánh tập kích, phục kích, đánh cướp trại... Ban đêm thì tập trung cả vào một nhà để sinh hoạt chính trị, học lý thuyết du kích

chiến tranh, du kích chiến, vận động chiến và “Mười chính sách của Việt Minh”. Khi tập đi đều thì tập hát luôn bài “Cùng nhau đi Hồng binh”; còn sau giờ sinh hoạt chính trị, ai biết bài nào thì lên hát góp vui, có chị hát cả những điệu hát cô đầu. Chị Tân, được anh Bình dùng miệng đánh trống châu, đã hát bài “Nơi ải biên cương, Phi Khanh dặn Nguyễn Trãi” hay “Trưng Trắc khuyên Trưng Nhị”. Tôi còn nhớ lời một bài ca của Đỗ Nhuận mà anh đã dạy cho lớp: *“Bớ công nông, phát cờ lên !/ Bớ công nông, phát cờ lên !/ Đồng tâm góp sức giết loài sài lang/ Theo ngọn cờ Mác - Lênin/ Anh em nào quyết ra tay !”*. Sinh hoạt văn nghệ suốt đêm, làm vui nhộn cả một góc rừng. Sau ba ngày tết, lớp học giải tán vì đã có người đi làm ruộng, làm nương.

Ngày mừng 6 Tết, nhân ngày hội chùa Bái Đính, nhân dân trong vùng đi hội khá đông. Anh Phan Lang có sáng kiến đề nghị tổ chức một buổi diễn thuyết công khai và anh Bình làm diễn giả. Toàn thể đội tự vệ và khá đông hội viên Việt Minh được huy động, mỗi người chuẩn bị sẵn một gói cát trộn ột bột, thủ sẵn trong túi, nếu kẻ địch vây bắt thì sẽ ném vào mặt chúng để diễn giả rút lui an toàn. Sáng hôm đó, đứng trên một tảng đá lớn, ngay giữa lối lên núi, anh Bình dõng dạc vạch trần sự bóc lột tàn ác của đế quốc, phong kiến, chỉ ra nỗi khổ cực của nông dân và kêu gọi: “Chúng ta là con cháu Đinh Tiên Hoàng, con cháu Lê Đại Hành, hãy phát huy truyền thống yêu nước của tổ tiên, hãy mau mau gia

nhập Việt Minh, đồng tâm cứu nước, cứu nhà !". Cuộc diễn thuyết kết thúc thắng lợi do được bảo vệ chu đáo, lại do yếu tố bí mật, bất ngờ nên bọn tổng lí không làm gì được. Anh em giải tán, trà trộn vào dân đi hội.

Tết năm Giáp Thân (1944), cũng nhân ngày hội chùa, cũng tại địa điểm này, chúng tôi lại tổ chức diễn thuyết công khai do chị Đề là diễn giả. Rút kinh nghiệm cuộc diễn thuyết năm trước, việc tập hợp quần chúng và bảo vệ được tổ chức chu đáo hơn. Các tiểu đội tự vệ bao quanh ngay chỗ diễn giả đứng diễn thuyết, vòng ngoài là các hội viên cứu quốc rủ theo những quần chúng cảm tình với cách mạng. Và cuộc diễn thuyết thành công tốt đẹp. Sau đó, các hội viên đi sâu vào nhân dân tuyên truyền về cuộc diễn thuyết để mở rộng phong trào.

Cũng ở Ninh Bình, anh Bình còn thay mặt Xứ ủy Bắc Kỳ đứng ra tổ chức lớp huấn luyện quân sự ở Đồng Báng (Nho Quan). Giáo viên lên lớp là anh Hoàng Quốc Việt và anh Trần Tử Bình. Học viên về dự có anh Lê Quang Đạo, chị Ba (Minh Châu), chị Tân, anh Vũ Nhất và tôi... Lớp học đóng trại ngay tại nhà bà Đinh Thị Du. Ban ngày, tập quân sự ở vườn Thổ thần, xóm Đồi Xung, xã Sơn Lai; ban đêm, tập trung học lí thuyết ở nhà bà Du. Bà cụ lo cơm nước cho lớp học, còn đội tự vệ thôn Sưa chịu trách nhiệm bảo vệ. Nay bà cụ đã mất. Huyện ủy Nho Quan đã đưa hài cốt cụ về an táng và xây mộ trên nền nhà cũ, vừa để ghi ơn cụ, vừa để ghi



lại di tích lịch sử này.

Sau lớp huấn luyện quân sự của Xứ ủy, anh Bình còn tổ chức một lớp huấn luyện về chính trị cho cán bộ lãnh đạo Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình. Lớp học tổ chức tại nhà ông Nguyễn Văn Lục ở thôn Sứa, xã Sơn Lai. Chương trình giảng dạy về chủ nghĩa Mác - Lênin, Thuyết Duy vật biện chứng và Duy vật lịch sử, những nguyên tắc bảo vệ Đảng. Tâm sự với anh mới biết, những kiến thức này, anh được học tập trong những năm bị giam cầm ở Côn Đảo mà thầy giáo chính là những bạn tù có trình độ. Thế hệ các anh đã “biến nhà tù thành trường học cách mạng”. Những ngày sống nhờ gia đình cơ sở, anh rất gần gũi với gia chủ, hôm nào cũng dậy từ sáng sớm, khi thì giúp chủ nhà quét dọn sân xướng, lúc cho lợn gà ăn...

Với kinh nghiệm hoạt động bí mật, anh truyền lại cho chúng tôi, chính lúc nhá nhem tối và mờ mờ sáng là thời gian bọn mật thám hay lùng bắt cán bộ cách mạng. Vậy nên dậy sớm để nắm tình hình xung quanh và đề phòng địch bao vây bất ngờ. Đêm nào, anh cũng sắp đặt anh em canh gác và chính anh cũng nhận suất gác của mình. Anh còn dạy cho chúng tôi bài học: trong đêm tối, kẻ địch khi mò vào nhà bắt cán bộ hay nghe tiếng ngáy, tiếng thở mà chộp vào ngực; nếu ngủ nằm trở đầu đuôi, hễ thấy động thì anh nằm cạnh dùng chân đá ngay vào mặt nó, giải thoát cho đồng chí của mình và cùng nhau chạy trốn.

Cuối tháng 12 năm 1943, anh bị một tên chỉ điểm<sup>1</sup> báo cho mật thám bắt trên đường đi từ Đồng Châu (Thái Bình) về Đức Cơ. Kẻ địch hí hửng tưởng bắt được người cầm đầu phong trào liên tỉnh miền nam Bắc Kỳ thì sẽ dẹp được phong trào vùng này. Chúng mua chuộc, dụ dỗ không được liền chuyển sang dọa nạt, rồi tra tấn, đánh đập. Chúng dùng cả đòn tra tấn cho “đi tầu ngầm” nhưng đã thất bại trước ý chí kiên cường, mưu mẹo, đầy kinh nghiệm của những tháng năm bị cầm tù ở Côn Đảo của anh. Chúng không moi được bất cứ bí mật nào.

Trong thời gian bị giam giữ, anh luôn tìm cách thoát khỏi tay chúng để về với phong trào. Lần bị giam ở trại giam Hà Nam, thấy sức khỏe anh yếu, chúng cho anh ra chữa chạy ở bệnh viện Phủ Lý<sup>2</sup>. Lợi dụng sơ hở của địch, anh đã bẫy song sắt cửa sổ, trèo tường trốn ra ngoài. Cạnh đó có vườn rau xanh, ông chủ vườn thấy anh tưởng trộm đã hô hoán lên. Thấy động, cảnh binh và tuần phiên truy bắt được anh. Lại những trận đòn chết đi sống lại nhưng anh vẫn kiên cường bảo vệ đến cùng bí

---

<sup>1</sup> Tháng 8-1943, Hồ Sĩ Trừ được anh Bình đưa về hoạt động ở Thái Bình. Sau này Trừ bị bắt, không chịu được tra tấn, đã đầu hàng địch và chỉ điểm bắt nhiều cán bộ cách mạng. Sau khi có thư của đồng chí Lam Ngọc từ trong tù gửi ra cho mẹ thì tổ chức mới biết. (Lịch sử Đảng bộ Thái Bình).

<sup>2</sup> Khi đó Vũ Lăng đang làm y tá tại đây. Đây là lần đầu tiên được gặp anh Bình. Năm 1946, anh Bình giới thiệu Vũ Lăng vào học Võ bị Trần Quốc Tuấn khóa I.

mặt của Đảng. Anh nói thẳng vào mặt chúng: “Tao biết cơ sở là để làm cách mạng chứ không phải là để khai với chúng mày!”. Và mặc cho chúng treo kẹp, đánh đập vô cùng tàn nhẫn, dùng cả kim châm vào mười đầu ngón tay, hay trói giật cánh khuỷu bằng thanh gỗ, rồi dìm đầu vào chum nước cho ngạt thở... anh vẫn trơ như đá vững như đồng.

Cuối cùng, chúng giải anh về Ninh Bình để tòa án Ninh Bình xét xử. Ở trại giam Ninh Bình, anh cùng với các đồng chí Phan Lang, Phan Long, Trương Văn Công, Trương Văn Liên chuẩn bị sẵn các phương án đấu tranh với kẻ địch trước phiên tòa. Trước tòa án, anh dũng dạc tuyên bố: “Chúng tôi không có tội. Làm Việt Minh để đánh Pháp, đuổi Nhật, cứu nước, thì sao lại là có tội? Chỉ có những tên Việt gian, làm tay sai cho giặc, giết hại người yêu nước, mới chính là kẻ có tội với dân, với nước, với tổ tiên. Hiện nay, ở Pháp, nhiều người dân và cả những bậc thầy của các anh đang đứng lên chống phát xít Đức, bảo vệ thanh danh nước Pháp. Các anh bảo họ có tội gì?” Lũ quan tòa, cả Tây lẫn ta đều cứng họng. Khi chúng tuyên án, anh hét to “Đả đảo thực dân Pháp!”, “Việt Minh muôn năm!”, “Việt Nam độc lập muôn năm!” Cả đoàn tù cùng hưởng ứng làm kẻ địch vội vã kết thúc phiên tòa. Khi chúng giải các anh về trại giam, anh cùng anh em hát vang bài “Cùng nhau đi Hồng binh”. Bọn cảnh sát Tây đạp xe quanh đoàn tù hò hét, dọa nạt. Mặc! Các anh cứ hát, càng đi càng hát to.

Khi về đến trại giam, một thằng đội sếp Tây tra hỏi: lúc đi đường ai xúi giục cả đoàn tù hát, anh đồng dục: “Chúng tôi có miệng thì chúng tôi hát, không cần ai xúi giục cả.” Thằng đội sếp Tây giương thẳng cánh tay tát anh một cái thật mạnh. Anh ngã quay lơ, máu trào ra miệng, rụng hai chiếc răng. Anh đứng dậy, lấy tay chùi máu trên miệng, rồi hô lớn: “Anh em ơi, người Pháp dã man. Đả đảo đánh đập !”. Cả trại hô vang hưởng ứng, tiếng hô vang dội cả ra ngoài phố.

Những ngày ở tù, anh tìm cách bắt liên lạc với tôi. Người liên lạc là cụ Chánh Thành vào tiếp tế cho anh. Anh nói rất kỹ tình hình với bà cụ và dặn bà về nói lại với chúng tôi (anh không dám viết thư vì sợ chúng khám người cụ, sẽ tìm ra). Anh dặn chúng tôi phải giữ vững ý chí chiến đấu và phải nắm vững thủ đoạn của bọn mật thám để chủ động đối phó. Bọn mật thám tra tấn nhiều, cũng mệt, chỉ mong sao có được lời khai hợp lí để trình với chủ Tây. Còn các đồng chí ta chẳng may bị bắt thì mỗi người phải chủ động suy nghĩ xem chúng sẽ hỏi gì, mình đã để lộ bí mật những gì mà chuẩn bị lời khai cho có lí. Những ngày đầu phải gắng chịu đòn, đừng khai. Sau hai, ba ngày bị tra tấn, làm ra vẻ do không chịu nổi đòn mà khai và đem lời khai đã chuẩn bị ra khai với chúng. Nhớ là lời khai phải thống nhất, trước sau như một, đừng tạo kẽ hở cho bọn nó truy. Vì, nếu không có chuẩn bị trước, có những đồng chí chống đối quyết liệt, mắng chửi lại nó, nó đánh cho thật đau, lại mất hết tinh



*Các đồng chí Trần Tử Bình, Lê Liêm, Hà Thị Quế...  
cùng các cán bộ cũ của Ninh Bình, Tết năm 1962.*

thần, lúc đó khai bừa sẽ rất nguy hiểm. Chúng tôi cũng mưu tính phối hợp với phương án vượt ngục nhưng chưa kịp thực hiện thì chúng đã chuyển các anh đi nhà giam Hỏa Lò (Hà Nội).

Tháng 3 năm 1945, sau ngày Nhật đảo chính Pháp, anh cùng anh em tù chính trị ở Hỏa Lò đã tổ chức vượt ngục theo đường cống ngầm. Sau đó, anh đi một mạch thâu đêm về đến cơ sở của Xứ uỷ ở làng Vạn Phúc (Hà Đông). Nghỉ ngơi hai ngày, anh được điều động về Chiến khu Hoà - Ninh - Thanh với chúng tôi. Anh em

gặp nhau mừng rỡ. Không ai nghĩ sẽ gặp lại anh. Anh nắm ngay tình hình xây dựng và phát triển chiến khu, tham dự hai cuộc họp với ban chỉ đạo chiến khu. Tại kì họp lần thứ ba, chấn chỉnh phong trào chiến khu do anh Văn Tiến Dũng thay mặt Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ chủ trì, anh em đã tin nhiệm bầu anh Bình làm Bí thư Chiến khu Quang Trung. Sau đó ít lâu, anh bàn giao công việc lại cho anh Văn Tiến Dũng, về Xứ uỷ nhận nhiệm vụ mới.

Sau ngày hoà bình lập lại, tuy công tác ở xa, nhất là thời gian làm Đại sứ ở Trung Quốc, nhưng anh chị Trần Tử Bình vẫn dành tình cảm và sự quan tâm cho phong trào Ninh Bình. Có điều kiện là anh chị lại về thăm Tỉnh uỷ và các cơ sở cách mạng đã che dấu, nuôi dưỡng mình thời kì bí mật. Anh chị vẫn chân thành, gần gũi dân như ngày nào.

Năm 1967, anh mất khi vừa tròn 60 tuổi. Anh em cán bộ Ninh Bình chúng tôi vô cùng thương tiếc !

Anh là một tấm gương tranh đấu, một tấm gương trung dũng, kiên cường. Anh đã cảm hóa chúng tôi, biến chúng tôi (những Phan Lang, Phan Long, Trương Đình Dân, Hà Thị Quế, Mai Văn Tiệm, Hoàng Thu, Vũ Thơ v.v... ) từ những anh nông dân chân chất trở thành những chiến sĩ cộng sản chân chính, kiên trung, bất khuất. Chúng tôi được anh dìu dắt, rồi từ đó trưởng thành và góp phần tạo ra những cơ hội đấu tranh với kẻ thù, góp phần tạo điều kiện hoàn thành cuộc khởi

nghĩa vĩ đại ở Hòa - Ninh - Thanh, đập tan chế độ phong kiến, thực dân, lập ra chính quyền cách mạng của nhân dân.

Anh Trần Tử Bình sống mãi trong tâm trí chúng tôi, trong Đảng bộ và nhân dân Liên tỉnh C, Chiến khu Quang Trung !

*Hà Nội, tháng 5-2004.*

## NHỚ ĐỒNG CHÍ TRẦN TỬ BÌNH TRONG ĐẠI GIA ĐÌNH CỘNG SẢN

Nguyễn Thọ Chân<sup>1</sup>

“Từ thuở ấy, quăng thân vào gió bụi”<sup>2</sup>, thuở nước mất nhà tan, phải từ biệt gia đình nghèo khổ thân yêu, tưởng đời mình chỉ toàn đắng cay trong cái nhà tù mệnh mông là Tổ quốc bị xâm chiếm... Vậy mà tôi đã được hưởng biết bao sự thương yêu đùm bọc của đồng chí, đồng bào tuy cũng rất nghèo khổ. Hoạt động bí mật với vô vàn hiểm nguy, mỗi lần đồng chí chúng tôi gặp nhau là mừng rỡ, xoắn xuýt lấy nhau, thân thiết hơn cả ruột thịt, chia sẻ với nhau từng cái bánh, đồng xu.

Đặc biệt những năm đầu Chiến tranh thế giới lần thứ hai, bọn phản động thuộc địa phát xít hóa, rồi đầu hàng

---

<sup>1</sup> Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng khóa III, nguyên Bộ trưởng Bộ Lao động.

<sup>2</sup> Trích “Trăng trời” trong Tuyển tập “Từ ấy”, Tố Hữu.



Nhật ở Đông Dương, nhất là sau những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương thất bại, địch khủng bố rất dã man. Hàng nghìn đảng viên, hàng vạn hội viên các tổ chức cách mạng bị chém giết, tù đày. Tổ chức Đảng và các đoàn thể bị tan vỡ. Nếu còn lại, hoạt động cũng rất khó khăn, nhiều nơi mất liên lạc dài ngày; phải luôn luôn cảnh giác, đi lại, quan hệ với nhau phải rất thận trọng, tuyệt đối tuân thủ nguyên tắc tổ chức. Trung ương Đảng đóng ở trong Nam đã bị bắt trước và trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ. Đến năm 1941, Trung ương lâm thời thành lập ở Bắc Kỳ do Trường Chinh làm Tổng bí thư cùng Hoàng Quốc Việt, Hoàng Văn Thụ, thành Thường vụ Trung ương lãnh đạo cả nước.

Những người Cộng sản còn lại, bất chấp hiểm nguy vẫn chấp liên lạc với nhau, vẫn tập hợp quần chúng trong các đoàn thể cứu quốc và các tổ chức biến tướng công khai. Chúng tôi liên tiếp nhận được tin nơi này nơi khác bị địch khủng bố, cán bộ và cơ sở cách mạng bị bắt, nhiều đồng chí kiên cường chịu đựng tra tấn, có đồng chí đã anh dũng hy sinh. Thời đó các cuộc hội họp đều cất người canh gác cẩn mật, có khi tới mấy chặng gác để truyền tin. Vậy mà mật thám bắt cách mạng như vồ ếch.

Giữa năm 1942, tôi phụ trách tỉnh Hà Đông - một trong những tỉnh đông dân nhất thời đó, có tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng tương đối khá. Một hôm, đồng chí Hoàng Quốc Việt (Hạ Bá Cang) bảo tôi: “Này

Phi<sup>1</sup>, cần phải phát triển tổ chức và đẩy mạnh phong trào ở giáp ranh hai tỉnh Hà Đông và Hà Nam, để biến đây thành vùng căn cứ an toàn. Sẽ có cuộc hội ý giữa anh và anh Minh<sup>2</sup>, phụ trách Hà Nam, để bàn việc này.” Rồi chúng tôi hẹn gặp nhau tại nhà cụ Hoàng Văn Duyệt ở làng Yên Trường, huyện Chương Mỹ; nơi có chi bộ mạnh, có nhiều cán bộ trung kiên, có cơ sở quần chúng đông, có đồng chí ở tù Sơn La mới về. Còn các làng xung quanh cũng đã có tổ chức cứu quốc. Bên Hà Đông có các huyện Ứng Hoà, Mỹ Đức, nam Phú Xuyên. Vùng giáp ranh hai tỉnh là vùng đồng trống rộng.

Chúng tôi gặp nhau vào một buổi chiều muộn. Những tia nắng hanh cuối cùng trong ngày xuyên qua lũy tre ngoài vườn. Các anh đến khi tôi đang lên cơn sốt rét do muỗi độc vùng Lương Sơn, Hòa Bình. Nhiều người bệnh, lá lách sưng to, bụng như cái thúng. Tôi đắp chăn bông, người run cầm cập dù trời mới cuối thu, mùa gặt đã gần xong. Không thể ngồi dậy để tiếp Hoàng Quốc Việt và Trần Tử Bình, tôi chỉ hơi nhồm người thò tay ra nắm lấy tay các anh. Cả hai ngồi xuống cạnh tôi, đặt tay lên chăn thấy người tôi run lên bần bật, đều nói: “Sốt nặng quá!”. Hình như họ đều đã trải qua cái bệnh này, rồi cả hai thay nhau nằm ôm lấy tôi cho đỡ run. Cụ chủ nhà nấu cho bát cháo tía tô, còn cụ bà chạy loanh quanh với

---

<sup>1</sup> Bí danh của tôi lúc đó.

<sup>2</sup> Minh “khởi” – bí danh của anh Bình lúc bấy giờ.

vẻ lo âu. Hoạt động bí mật, nấu nhờ nhà bà con nghèo, một viên kí ninh cũng không có. Năm đó tôi mới 20 tuổi. Những quan hệ thắm tình cách mạng như thế liên tiếp đến với tôi, phá tan đi cái suy nghĩ trước đó là không thể tìm đâu ra sự âu yếm, chăm sóc như của cha mẹ, gia đình.

Sau vài giờ, sốt rét dứt cơn nhưng miệng đắng ngắt, người mệt nhoài. Ăn tô cháo nóng có trứng xong, tôi cố ngồi dậy thảo luận nhưng hai anh ấn tôi nằm xuống và ngồi cạnh giường bàn việc. Hai anh đều là bậc trưởng thượng. Nhiều người gọi anh Việt là “cụ Quận” (bí danh của anh). Tôi nhớ hôm đó anh Bình mặc áo dài the, cổ đã sờn và hơi ố vàng, đầu đội khăn xếp đã cũ. Anh trông đứng tuổi, có lẽ đã 35 hay 37. Giọng anh ôn tồn và rõ. Cuộc trao đổi dễ đi tới nhất trí về yêu cầu và cách làm nhưng không dễ liên hệ về mặt tổ chức vì nguyên tắc bí mật. Gặp nhau như thế này thời đó có lẽ rất ít nếu không có sự tin cậy đặc biệt. Sau khi bàn luận, chúng tôi triển khai ngay những điều đã thỏa thuận.

Nhưng chỉ được ít tháng, vào cuối năm 1942, Thường vụ Trung ương lại điều tôi ra phụ trách Hà Nội. Có lẽ vì tôi có mấy năm theo học trung học ở Hà Nội và hoạt động Thanh niên dân chủ ở đó. Đồng chí bí thư cũ của Hà Nội được điều đi công tác khác. Tổ chức cách mạng ở Hà Nội liên tục bị vỡ. Cứ mấy tháng lại có một bí thư Thành uỷ mới. Về làm bí thư ở Hà Nội, tôi không dám ở nhà nào, đành phải đi ở đợ làm thằng quít cho một gia

đình ở phố Hàng Bông (gần nhà ông Dương Quảng Hàm), với tiền công một đồng bạc một tháng, cơm nuôi. Vài tháng sau mới được một người cùng làng, làm thợ sơn mài, cho ở cùng. Nhưng rồi tháng 3 năm 1943, cả Thành uỷ, có ba người, đều bị bắt. Riêng đồng chí Chuẩn “muối”<sup>1</sup>, thành uỷ viên, được thả ra vì chúng tôi nhất định không nhận anh. Còn tôi bị truy nã đã lâu, bọn mật thám đã có ảnh nên không thoát được. (Nhưng cũng chỉ hơn ba tháng sau, Chuẩn “muối” cũng bị bắt cùng anh Hoàng Văn Thụ).

Quãng tháng 9 năm 1943, tôi thấy đồng chí Phan Trọng Tuệ mà tôi đã hoạt động chung từ năm 1940, bị giải từ Sở Mật thám sang nhà tù Hỏa Lò. Nghe anh nói bị bắt ở Hà Nam, tôi hỏi “Minh có sao không?” thì được trả lời anh Minh chạy thoát được. Tôi đã mừng. Sau này được biết vào cuối năm 1943, anh Trần Tử Bình cũng bị bắt. Sau đó tôi và anh Phan Trọng Tuệ cùng bị đày ra Côn Đảo.

Thời kì bí mật, cùng hoạt động nhưng chỉ biết bí danh chứ không biết lai lịch của nhau. Qua những lần trao đổi, tôi thấy anh Trần Tử Bình rất trung thực, từ tốn nhưng rất sôi nổi, nhiều kinh nghiệm. Tuy vậy anh vẫn rất tôn trọng và lắng nghe ý kiến của tôi.

Tháng 1 năm 1950, khi tôi từ Nam Bộ ra Việt Bắc, hai

---

<sup>1</sup> Vũ Kỳ, sau này là thư kí riêng của Bác.

chúng tôi mới gặp lại nhau tại Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ 3 của Đảng. Biết được anh đã được phong hàm Thiếu tướng quân đội lớp đầu tiên<sup>1</sup>. Khi nghiên cứu các phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo, tôi mới dần biết quá trình chiến đấu oanh liệt của anh. Năm 1960 tại Đại hội lần thứ III của Đảng, hai chúng tôi và Phan Trọng Tuệ đều được bầu vào Ban chấp hành Trung ương do Bác làm Chủ tịch và đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư thứ nhất.

Mùa hè năm 1962, thật là vui khi hai anh em cùng nhiều đồng chí, trong đó có chị Hà Thị Quế, anh Lê Quý Quỳnh, anh Mười Trí, anh Châu, được Trung ương bố trí cho đi nghỉ ở bãi biển Xô-chi (Liên Xô). Gặp nhau trong điều kiện nghỉ ngơi lí tưởng: khí hậu mát mẻ, bãi biển đẹp, nhà nghỉ lịch sự làm anh em nhớ lại những tháng ngày hoạt động bí mật gian khổ, chui bờ chui bụi trốn tránh sự rình rập của kẻ thù, trong đấu tranh kẻ mất người còn. Nay những người còn sống thêm gần bó và có điều kiện trao đổi, tâm tình với nhau.

Hai chúng tôi, anh trước, tôi sau, đều có thời kì làm ngoại giao. Anh thay đồng chí Nguyễn Khang làm đại sứ

---

<sup>1</sup> Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký quyết định phong quân hàm cấp tướng cho các cán bộ cao cấp trong quân đội: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Trung tướng Nguyễn Bình và 9 thiếu tướng: Hoàng Văn Thái, Lê Thiết Hùng, Nguyễn Sơn, Văn Tiến Dũng, Hoàng Sâm, Trần Đại Nghĩa, Lê Hiến Mai, Chu Văn Tấn và Trần Tử Bình.



*Đoàn cán bộ Việt Nam đi nghỉ tại Xô-chi, hè năm 1962.  
(Ông Nguyễn Thọ Chân ngồi thứ 2 từ bên phải qua).*

(đời thứ ba) ở Trung Quốc. Ít năm sau tôi cũng được cử làm đại sứ (cũng đời thứ ba) ở Liên Xô thay đồng chí Nguyễn Văn Kinh, sau khi anh Trần Tử Bình đã qua đời<sup>1</sup>. Tôi còn nhớ trong lễ tang anh ở Câu lạc bộ quân đội, Bác Hồ đã đến viếng. Bác với vẻ mặt đau buồn và ôm lấy chị Trần Tử Bình, an ủi.

Khi anh làm Đại sứ ở Trung Quốc, mỗi lần về họp Trung ương, chúng tôi có dịp chuyện trò về thời thế với

---

<sup>1</sup> Đại sứ đầu tiên của ta ở Liên Xô và Trung Quốc là ông Nguyễn Lương Bằng và ông Hoàng Văn Hoan.

thái độ hết sức tin cậy lẫn nhau. Thời ấy ở Trung Quốc đã có những biến động lớn về chính trị, xã hội. Hai chúng tôi đều có chung thái độ là: ta đang chống xâm lược Mỹ, còn họ là đảng lớn, ta không thể khuyên can gì. Đối với các nước lớn đi trước ta, tâm lí rất phức tạp, ta giữ vững đường lối độc lập, tự chủ, tránh được sức ép, giải quyết tốt vấn đề cách mạng Việt Nam đã là may mắn lắm rồi. Còn mỗi Đảng phải chịu trách nhiệm trước dân tộc mình. Ấy vậy mà có người vẫn chưa hiểu nổi lòng của Trần Tử Bình !

Quan hệ giữa cán bộ và đảng viên, giữa đảng viên và quần chúng cái thời “lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da”<sup>1</sup> ấy sao mà đậm đà, thấm thiết ! Ở tù khi biết mình sắp chết còn cởi áo để lại cho anh em. Chính tình cảm gắn bó ấy đã giúp nhiều đồng chí chúng ta, trước đòn thù, thà chết chứ không khai. Tới nay gặp lại con cháu các bạn chiến đấu cũ, tôi vẫn dạt dào tình cảm như thấy lại hình bóng người xưa.

Các cháu con anh chị Trần Tử Bình ở thành phố Hồ Chí Minh vẫn qua lại thăm vợ chồng tôi. Ngày 19 tháng 10 năm 2001, các cháu mời tôi, anh Lê Trọng Nghĩa, vợ chồng Nghệ sĩ ưu tú Dương Minh Đẩu về thăm “Phú Riềng Đỏ” - địa chỉ thân thiết của gia đình. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước và Ban giám đốc Công ty cao su Đồng Phú đã nhiệt tình đón tiếp.

---

<sup>1</sup> “Cơ” là đói, “hàn” là rét.



*Đoàn du khảo tại bia kỷ niệm  
suối Đá làng 3, ngày 19-10-2001.*

Theo con đường đất đỏ, chúng tôi đến thắp hương tại đài tưởng niệm “Phú Riềng Đỏ”, được xây dựng từ năm 1985 nhân dịp kỷ niệm 10 năm giải phóng miền Nam. Ngày 26 tháng 3 năm 1999, địa chỉ này được Bộ Văn hoá công nhận là di tích lịch sử - văn hóa theo quyết định số 05-QĐ/BT. Ở giữa công viên là tượng đài sừng sững, in lên nền trời xanh biểu tượng “búa và liềm”. Mặt trước tượng đài gắn bia đá với những dòng chữ *“Tại khu rừng làng 3, đêm 28 tháng 10 năm 1929, có sự chỉ đạo của đồng chí Ngô Gia Tự chi bộ Cộng sản đầu tiên được thành lập, gồm các đồng chí Phạm Văn Phú (tức Trần*



*Tử Bình*), đồng chí *Tạ*, đồng chí *Hồng*, đồng chí *Hòa*, đồng chí *Doanh*, bí thư đồng chí *Nguyễn Xuân Cừ* (tự *Vĩnh*). Chi bộ lãnh đạo công nhân làm nên *Phú Riêng Đỏ anh hùng, phá tan địa ngục trần gian*". Bên phải tượng đài là bức phù điêu mô tả tên chủ Tây cao lớn, đầu đội mũ cối, đang giám sát hai công nhân với thân tiểu tụy, mình khoác áo tơi, còng lưng trồng gốc su non. Phía đối diện là hình ảnh những đảng viên đang nắm tay tuyên thệ dưới cờ Đảng, trong đêm 7 tháng 11 năm 1929, nhân kỉ niệm Cách mạng tháng Mười Nga. Tôi xúc động không cầm được nước mắt. Từ khu vực tượng đài nhìn thấy những cánh rừng cao su non xanh mướt, kéo dài tít tận phía chân trời.

Sau đó chúng tôi được đưa về thăm suối Đá làng 3, nhà truyền thống và boong-ga-lô của chủ nhất. Chúng tôi còn đến thăm xí nghiệp chế biến cao su, nhà văn hóa, trường học, trạm y tế... Biết Công ty cao su Đồng Phú đang cổ phần hóa, thấy đời sống vật chất, tinh thần của người lao động không ngừng cải thiện mà lòng tôi bồi hồi xúc động. Giá anh Bình còn sống đến ngày hôm nay !

## CƠ SỞ CÁCH MẠNG Ở CỔ TIẾT VỚI BÁC TRẦN TỬ BÌNH

Giáo sư - Tiến sĩ Đỗ Long<sup>1</sup>

Bác Trần Tử Bình đã gây dựng và phát triển phong trào cách mạng ở quê hương tôi – xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ. Sau 4 năm thử thách, đến năm 1942, cha tôi là Đỗ Văn Mô - đã được bác Bình kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, trở thành đảng viên đầu tiên tại vùng tây nam của tỉnh nhà và năm 1948 đã tham gia Ban Chấp hành Tỉnh ủy tỉnh Phú Thọ. Hai sự kiện này gắn liền với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của bác Bình. Chính bác là người đã truyền đạt cho cha tôi những vấn đề về lý luận và thực tiễn của công tác xây dựng Đảng và về tính Đảng, về công tác vận động quần chúng và xây dựng lực lượng cách mạng. Những kiến thức rất quý báu này giúp cha tôi làm tốt những chức trách - Bí thư Huyện ủy Tam

---

<sup>1</sup> Viện trưởng Viện Tâm lý học - Viện Khoa học xã hội Việt Nam.



*Bà Hưng (hàng đầu, thứ 6 từ trái qua) cùng các cán bộ lão thành tại Nhà nghỉ Vĩnh Yên, năm 1982.*

Nông, Bí thư Huyện ủy Thanh Sơn, Bí thư Mai Đà (trực thuộc Liên khu Việt Bắc). Ngoài gia đình tôi còn có các hộ khác như: cụ Bử Chính, cụ Chúc, ông Phái, ông Dị, ông Hễ... cũng là những cơ sở nuôi giấu bác Bình qua những năm tháng trong thời bí mật.

Một trong những ấn tượng sâu sắc nhất đọng lại trong các gia đình nêu trên, cũng như trong lòng nhân dân Cổ Tiết là tình cảm thấm thiết của bác Bình đối với mọi người và tình cảm nồng nàn của nhân dân đối với bác. Đó là sự hòa quyện đến nhuần nhuyễn giữa tình

cảm yêu nước, tình cảm dân tộc, tình cảm giai cấp với tình cảm con người đối với con người. Bác là một tín đồ Thiên Chúa giáo, có những hiểu biết về nghề y, sớm gia nhập Đảng từ những ngày mới thành lập, tuy còn rất trẻ nhưng đã dần thân trong phong trào công nhân. Có nguồn gốc từ nông dân, nên bác Bình đồng cảm rất sâu sắc với những tầng lớp đối khổ nhất, bị chà đạp, áp bức, bóc lột nhiều nhất.

Tình cảm của bác luôn gắn liền với những biểu hiện cụ thể. Qua những mẩu chuyện kể lại cho thấy bác không chỉ hiểu sâu sắc cuộc sống cùng cực của người dân, họ túng bấn như thế nào, ai ốm đau bệnh tật, ai cầu thực tha phương, ai là dân ngụ cư, mà còn biết rất rõ đặc điểm từng lớp người, tâm tư, tính cách mỗi người. Họ chuộng gì và ghét gì, nguyện vọng gì là cháy bỏng nhất đối với họ, niềm tin và lý tưởng của họ hướng về đâu? Từ một Xứ ủy Bắc Kỳ giả làm người ngụ cư, lãnh hiền sống giữa dân ngụ cư, bác đã cùng mọi người khai hoang, phục hóa, cuốc đất tấng gia, đều đặn sớm hôm cùng giáo dân đến Nhà thờ cầu nguyện. Ai bệnh tật ốm đau bác cho thuốc, ai gặp khó khăn hoạn nạn, chẳng kể lương hay giáo, hễ giúp được gì là bác sẵn sàng, chẳng bao giờ từ nan. Năm 1949, giặc Pháp chiếm đóng quê tôi, gặp bà Bửu Chính tản cư tại Thái Nguyên, thấy gia đình túng thiếu, bác trai và bác gái Nguyễn Thị Hưng đã vét những đồng tiền sinh hoạt phí cuối cùng để biếu cụ.